TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI** Bản án số 31/2026/DS-ST Ngày: 15/5/2026 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh và ông Đặng Văn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuý An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 302 ngày 29/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: 2 N , phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn T, chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh K.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Trương Thị Thanh T1, chức vụ: Chuyên viên khách hàng doanh nghiệp. Địa chỉ: C T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, địa chỉ: A T, phường Đ, Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) trình bày:

Ngày 22/8/2024, Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của bà Nguyễn Thị H, Ngân hàng TMCP S đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho bà H. Sau khi được cấp thẻ bà H đã sử dụng thẻ thực hiện rút số tiền 15.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 4.384.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, bà H vẫn

không thanh toán cho Ngân hàng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 22/05/2025 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử 15/5/2026, bà H còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền là **23.515.399** *(Hai mươi ba triệu, năm trăm mười lăm nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng)*, (trong đó nợ gốc là 16.668.658 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.846.741 đồng). Yêu cầu bà H phải thanh toán hết cho Ngân hàng TMCP S là một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16/5/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ.

- *Bị đơn*: bà Nguyễn Thị H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Về án phí buộc bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]*Về pháp luật tố tụng*: Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng sử dụng đối với bà Nguyễn Thị H. Xét bà H cư trú tại A T, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng cả quá trình giải quyết vụ án bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H theo quy định.

[2]*Về nội dung*:

- Về số tiền gốc: Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp, gồm: Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 22/8/2024, đã có đủ cơ sở xác định: Với Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng, bà Nguyễn Thị H đã đề nghị và được Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng với hạn mức 15.000.000 đồng. Đây là Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong thời gian sử dụng thẻ tín dụng, bà H

đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn theo quy định của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

Hội đồng xét xử xét thấy bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc buộc bà H phải trả tiền nợ gốc 16.668.658 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 nên có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu về tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Số tiền lãi quá hạn mà Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn phải thanh toán được xác định theo thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng căn cứ trên Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S kèm theo; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại tại Điều 100 2024, sự thoả thuận của các bên không trái quy định pháp luật, do đó cần xem xét chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử vụ án 15/5/2026 là 6.846.741 đồng. Xét thấy, sự thoả thuận vay vốn, và lãi suất của nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện phù hợp quy định Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự.

Từ phân tích trên, HĐXX thấy rằng đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S có căn cứ để chấp nhận, và buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 15/5/2026 là **23.515.399 đồng** *(Hai mươi ba triệu, năm trăm mười lăm nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng)* (trong đó nợ gốc là 16.668.658 đồng và nợ lãi là 6.846.741 đồng), và chịu tiếp tiền lãi phát sinh từ ngày 16/5/2026 theo lãi suất thoả thuận vay thẻ trong hợp đồng giữ hai bên trên số nợ gốc còn nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí: Đơn khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.175.769 đồng (*Một triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025;

Áp dụng Điều 117, Điều 280, Điều 463, Điều 466 ; Điều 100 và Điều 103 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 18, khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đề ngày 25/11/2025.

Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền **23.515.399 đ** *(Hai mươi ba triệu, năm trăm mười lăm nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng)* (trong đó nợ gốc là 16.668.658 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.846.741 đồng).

Kể từ ngày 16/5/2026, bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.175.769 đồng (*Một triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 488.757 đồng (*Bốn trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi bảy*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003004 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Về quyền kháng cáo*: *Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025*;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/5/2026), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Đồng Thị Bình